

Vài Suy Nghĩ Việc Tìm Hiểu TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Huỳnh Văn Toàn
Học viên Lớp k28B Ngành TT.Hồ Chí Minh

Sau khi tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc cho nhân dân ta, Hồ Chí Minh đã xúc tiến thành lập một chính Đảng cách mạng chân chính ở Việt Nam và Người đã cùng Trung ương Đảng ta trực tiếp lãnh đạo cách mạng, đưa sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam vượt qua mọi gian khổ, khó khăn, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Cả cuộc đời của Hồ Chí Minh đã dành trọn cho nhân dân, cho đất nước, cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng con người, giải phóng nhân loại cần lao, thoát khỏi mọi áp bức, bất công, vươn tới cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc. Cũng chính vì vậy mà vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong cách mạng Việt Nam đã được Người quan tâm, nung nấu suốt cả đời. Đề cập đến tư tưởng của Người về vấn đề nêu trên, chúng tôi xin trình bày khái quát một số quan điểm lớn sau đây:

Thứ nhất, *giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam - một nước thuộc địa nửa phong kiến, trước hết phải tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đánh đuổi quân xâm lược, đánh đổ bọn tay sai, giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hoà bình và thống nhất đất nước.*

Độc lập, tự do, hoà bình và thống nhất đất nước là khát vọng cháy bỏng của người dân mất nước. Bởi, mất nước là mất tất cả. Sống trong cảnh nước mất, nhà tan, mọi quyền lực nằm trong tay quân xâm lược và bọn tay sai thì quyền sống của con người cũng bị đe dọa chứ nói gì đến quyền bình đẳng, tự do, dân chủ của mọi người. Nếu có, đó chỉ là thứ tự do cướp bóc, bắt bớ, giết hại và tù đầy của quân xâm lược và bọn tay sai. Chính vì vậy mà “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, một trong những tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam đã trở thành chân lý của dân tộc Việt Nam và của cả nhân loại có lương tri.

Độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân – tư tưởng đó của Hồ Chí Minh đã trở thành mục tiêu hàng đầu của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng đó được quán triệt trong toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam và nó được thể hiện nổi bật trong các thời điểm có tính bước ngoặt lịch sử.

Khi trả lời câu hỏi của nữ đồng chí Rôđơ, thư ký Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp, họp ngày 29 tháng 12 năm 1920: Tại sao đồng chí lại bỏ phiếu cho Quốc tế III? Hồ Chí Minh trả lời: “Rất giản đơn. Tôi không hiểu chị nói thế nào là chiến lược, chiến thuật vô sản và nhiều điểm khác. Nhưng tôi hiểu rõ một điều: Quốc tế III rất chú ý đến vấn đề thuộc địa... Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đây là tất cả những điều tôi muốn, đây là tất cả những điều tôi hiểu.” (1)

Cũng ngay tại nước Pháp, giữa năm 1922, sau khi làm việc với Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp Anbe Xarô, Hồ Chí Minh đã nói thẳng với ông ta mong muốn của mình và của nhân dân Việt Nam rằng: “Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập...” (2)

Năm 1945, đứng trước thời cơ mới của cách mạng nước ta, khi nói chuyện với đồng chí Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh khẳng định: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải cương quyết giành cho được độc lập.” (3)

Năm 1966, khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân, Hồ Chí Minh kêu gọi: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập tự do.*” (4)

Hồ Chí Minh coi mục tiêu đấu tranh vì độc lập của Tổ quốc, tự do của đồng bào là lẽ sống của mình. Quyền độc lập dân tộc không tách rời quyền con người và độc lập là điều kiện tiên quyết để mang lại hạnh phúc cho mọi người dân của đất nước mình. Đồng thời, độc lập dân tộc còn là điều kiện để dân tộc Việt Nam được quyền sống bình đẳng với các dân tộc khác trên thế giới và các dân tộc trong nước ta được chung sống bên nhau một cách bình đẳng, hoà thuận và cùng nhau đi tới cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Thứ hai, *sau khi giành được độc lập dân tộc phải đưa đất nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm giải phóng con người, giải phóng xã hội, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu, vươn tới cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho mọi người, mọi dân tộc.*

Giải quyết vấn đề dân tộc trong cách mạng Việt Nam nếu chỉ dừng lại ở cuộc đấu tranh để giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân thì sự nghiệp cách mạng đó mới chỉ đi được một chặng đường ngắn mà thôi. Bởi có độc lập, có tự do mà nhân dân vẫn đói khổ, thì nền độc lập tự do ấy cũng chẳng có ý nghĩa gì.

Hồ Chí Minh đã thấu hiểu cảnh sống nô lệ, lầm than, đói rét và tủ nhục của nhân dân các dân tộc Việt Nam trong thời thực dân, phong kiến. Bởi vậy, một trong những nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa quyết định của sự nghiệp giải phóng xã hội, giải phóng con người, theo Hồ Chí Minh là phải xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu, vươn tới xây dựng cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc thật sự cho tất cả mọi người.

Đó là ước nguyện, là ham muốn tốt bậc của Hồ Chí Minh và là ước nguyện mong mỏi bao đời nay của nhân dân các dân tộc Việt Nam. Người nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tốt bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.” (5)

Thực hiện được ước nguyện đó, theo Hồ Chí Minh chính là nhằm giải quyết một cách triệt để và thiết thực vấn đề dân tộc ở một nước thuộc địa nửa phong kiến.

Thế nhưng đi về đâu và xây dựng một xã hội như thế nào để thực hiện được ước nguyện đó nhân dân các dân tộc Việt Nam cũng như cho cả nhân loại bị áp bức,

bóc lột? Đó là điều trần trở, ưu tư không chỉ ở Hồ Chí Minh mà ở tất cả những người có lương tri, trọng đạo lý, trọng nghĩa tình khác. Sự bất gặp và điểm tương đồng trong tư duy giữa Hồ Chí Minh với những người sáng lập ra học thuyết cách mạng và khoa học của thời đại cũng chính là ở chỗ đó.

Chứng kiến cảnh sống lầm than, khổ cực, bị bóc lột tới tận tột của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở thuộc địa và chính quốc, chứng kiến cảnh sống trái ngang của bọn tư sản, thực dân giàu có và gian ác, nên con đường giải phóng xã hội, giải phóng con người mà cả Hồ Chí Minh và C. Mác, Ph. Ăngghen, V. I. Lênin đều khẳng định là phải tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, chứ không phải là đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, càng không phải là quay trở lại chế độ phong kiến.

Đối với Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định trước sau như một, là chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có đủ cơ sở và điều kiện để thực hiện công cuộc giải phóng con người một cách triệt để và thiết thực. Tức là thực hiện được đầy đủ các quyền của con người, trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của tất cả mọi người.

Cũng chính vì vậy mà con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và độc lập phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội trở thành nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh, và là mục tiêu chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam suốt hai phần ba thế kỷ và mãi mãi về sau.

Xuất phát từ hoàn cảnh của Việt Nam, đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp nghèo nàn, hậu quả của bọn thực dân, phong kiến để lại rất nặng nề nên Hồ Chí Minh cho rằng: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được học hành, ốm đau có thuốc, già không lao động thì được nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xoá bỏ... tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội.” (6)

Thứ ba, phải thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc và đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Lịch sử của Việt Nam đã chứng minh trong cộng đồng các dân tộc ở nước ta không hề có dân tộc lớn (dân tộc nhiều người) đi áp bức, bóc lột dân tộc nhỏ (dân tộc ít người), mà quan hệ giữa các dân tộc với nhau là quan hệ anh em, ruột thịt. Truyền thống quý báu đó của dân tộc Việt Nam như Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Êđê, Xơ Đăng hay Bana... đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, nó đói giúp nhau.”(7)

Bên cạnh việc lên án thủ đoạn đê hèn của bọn thực dân, phong kiến dùng chính sách “chia để trị” nhằm chia rẽ các dân tộc Việt Nam và để kìm hãm các dân tộc trong vòng nghèo nàn và dốt nát, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ tính ưu việt của chế độ mới để nhằm giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc ở Việt Nam: “Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta là: Các dân tộc đều bình đẳng và phải đoàn kết chặt chẽ,

thương yêu giúp đỡ nhau như anh em. Đồng bào miền xuôi phải ra sức giúp đỡ đồng bào miền ngược cùng tiến bộ về mọi mặt.” (8)

Hậu quả của chế độ thực dân phong kiến và các thế lực thù địch chống phá cách mạng để lại ở Việt Nam là rất nặng nề; để khắc phục hậu quả đó nhằm thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc và xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho đồng bào miền xuôi cũng như miền ngược, Hồ Chí Minh luôn coi trọng tình đoàn kết, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc anh em ở trong nước. Bởi, chỉ có trên cơ sở đoàn kết mới tạo nên sức mạnh to lớn cho cách mạng Việt Nam để thực hiện thắng lợi các mục tiêu của cách mạng đã đề ra.

Sau khi chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ Tám (5 – 1941), nhận thấy cơ hội cứu nước đang đến gần, Hồ Chí Minh đã gửi thư cho đồng bào cả nước, trong thư Người viết: “...Hỡi các bậc phú hào yêu nước, thương nòi! Hỡi các bạn công nông, binh, thanh niên, phụ nữ, công chức, tiểu thương! Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng.” (9)

Hồ Chí Minh chẳng những là người quan tâm đến đoàn kết dân tộc, mà chính Người là hiện thân của sự đoàn kết đó, là người trực tiếp tổ chức khôi đại đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống lại mọi biểu hiện gây chia rẽ, hiềm khích, kỳ thị dân tộc để thực hiện tình đoàn kết trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Bài học kinh nghiệm về đoàn kết trong cách mạng Việt Nam được Người tổng kết thành 14 chữ vàng như sau:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công”

Để thực hiện quyền bình đẳng và xây dựng tình đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, *xuất phát từ hoàn cảnh và điều kiện sống của các dân tộc ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm đến đồng bào dân tộc ít người, sống ở miền núi, vùng sâu và vùng xa của đất nước. Bởi, theo Người so với đồng bào sống ở miền xuôi, vùng đồng bằng và đô thị, thì đời sống của đồng bào ở miền núi, xét trên mọi phương diện, còn thấp và gặp rất nhiều khó khăn. Thực tế cho thấy, miền núi và vùng sâu, vùng xa của đất nước ta, là nơi có điều kiện tự nhiên không thuận lợi, trình độ sản xuất và văn hoá của nhân dân nơi đây còn rất thấp. Nơi ăn, chốn ở, trường học, cơ sở y tế và giao thông đi lại còn nhiều khó khăn và thiếu thốn. Bên cạnh đó, do trình độ dân trí thấp nên những thủ tục lạc hậu, mê tín, di đoan còn rất nặng nề.*

Hơn nữa, khu vực miền núi nước ta – nơi làm ăn sinh sống chủ yếu của đồng bào các dân tộc ít người, là nơi giáp biên giới với số nước láng giềng, xa đồng bằng, địa bàn hiểm trở, dân cư thưa thớt, nhiều vùng vốn là căn cứ địa cách mạng quan trọng của cách mạng Việt Nam trước đây. Bởi vậy, quan tâm đến đồng bào dân tộc ít người vừa thể hiện tính nhân văn sâu sắc của Hồ Chí Minh trong chế độ mới, vừa có ý nghĩa kinh tế và quốc phòng to lớn đối với cả hiện tại và tương lai của đất nước.

Sự quan tâm, giúp đỡ đối với đồng bào các dân tộc ít người theo Hồ Chí Minh, là trách nhiệm của toàn Đảng và toàn dân, của tất cả các cấp, các ngành, từ Trung ương đến địa phương, bằng những việc làm cụ thể và thiết thực.

Thứ tư, phải đoàn kết, thương yêu người Việt Nam sống ở nước ngoài và thân thiện với người nước ngoài sống ở Việt Nam.

Vì nhiều lý do khác nhau, dẫn đến một thực tế của đời sống thế giới, là người dân của nước này đến cư trú và làm ăn sinh sống ở nước khác và ngược lại. Giải quyết thực trạng đó ở mỗi quốc gia, dân tộc và mỗi chính đảng, thậm chí với từng nhà lãnh đạo có những quan điểm và chủ trương chính sách khác nhau.

Đối với người Việt Nam sống xa Tổ quốc, Hồ Chí Minh chủ trương đoàn kết, thương yêu họ, kêu gọi họ hướng về quê hương đất nước, nơi quê cha, đất tổ của mình, vì tất cả bà con đều là “con Lạc cháu Hồng” của đất Việt. Đồng thời, Người cũng kêu gọi và khuyên nhủ bà con phải giữ mối quan hệ thân thiện với nhân dân các nước và thực hiện tốt luật pháp của họ. Trong những năm chiến tranh và cách mạng, với lòng yêu nước, thương dân, Hồ Chí Minh đã thu phục được nhiều trí thức tài ba về nước phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, trong đó có người đã trở thành anh hùng của Việt Nam.

Đối với người nước ngoài sống ở Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn thể hiện thái độ ôn hoà và thân thiện với họ. Trong Lời tuyên bố với quốc dân sau khi đi Pháp về (23 tháng 10 năm 1946), Hồ Chí Minh nêu rõ:

“Người Pháp ở Pháp đối với ta rất thân thiện, thì người Việt ở Việt đối với người Pháp cũng nên thân thiện. Đối với quân đội Pháp ta phải lịch sự. Đối với kiều dân Pháp ta phải ôn hoà. Để tỏ cho thế giới biết rằng ta là một dân tộc văn minh. Để cho số người Pháp ủng hộ ta càng thêm đông, sức ủng hộ càng thêm mạnh. Để cho những kẻ thù khiêu khích muốn chia rẽ, không có thể và không có cớ mà chia rẽ. Để cho công cuộc thống nhất và độc lập của chúng ta chóng thành công.” (10)

Đối với người Hoa sống ở Việt Nam, Hồ Chí Minh cũng thể hiện quan điểm trước sau như một là đoàn kết, thân thiện và bảo vệ tài sản, tính mạng cũng như quyền làm ăn chính đáng của họ trên đất nước Việt Nam, như công dân Việt Nam. Theo Người, chẳng phải hôm qua hôm nay người Hoa kiều mới đến Đông Dương. Họ đã ở đây, họ đã luôn giữ một địa vị rất quan trọng trong đời sống kinh tế của Đông Dương. Nhưng chưa bao giờ lại có những cuộc xung đột giữa người Việt Nam với người Hoa trên đất nước Việt Nam.

Trong “Thư gửi anh em Hoa kiều” nhân ngày Độc lập 2 – 9 – 1945, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Hai dân tộc Trung - Việt chúng ta, mấy ngàn năm nay, huyết thống tương thông, chung nền văn hoá, trong lịch sử vẫn được gọi là hai nước anh em; hơn nữa, đất nước liền kề, núi sông kế tiếp, càng như môi với răng che chở cho nhau. Ngót trăm năm nay, đế quốc xâm lược Viễn Đông, giặc Pháp cường chiếm nước ta, lấy đó làm bàn đạp xâm lược Trung Quốc. Hai dân tộc anh em phương Đông chúng ta lại chịu chung nỗi khổ cực bị áp bức và xâm lược.”

Xuất phát từ quan hệ đặc biệt giữa hai dân tộc và hai nước anh em, trong thư, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh đến chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước ta đối với bà con Hoa Kiều đang làm ăn, sinh sống ở Việt Nam: “Chính phủ nhân dân lâm thời Việt Nam đã lập tức tuyên bố xoá bỏ mọi luật pháp của Pháp trước đây áp đặt lên

Hoa kiều, xác định chính sách cơ bản là bảo đảm tự do, hoan nghênh Hoa kiều cùng nhân dân Việt Nam chung sức xây dựng nước Việt Nam mới.

Mong rằng anh em hai nước chúng ta thân mật đoàn kết, có việc gì thì giải quyết với nhau theo nguyên tắc hợp pháp lý với thái độ kính trọng nhường nhịn lẫn nhau, không được vì những việc tranh chấp nhỏ của cá nhân mà gây điều bất hạnh ngăn cách giữa hai dân tộc...” (11)

Ngoài ra, đối với các dân tộc và quốc gia khác trên thế giới, quan điểm của Hồ Chí Minh là tôn trọng nền độc lập dân tộc, không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia, dân tộc khác, đồng thời thực hiện quyền bình đẳng giữa các quốc gia, dân tộc với nhau. Quan điểm đó của Người được khẳng định trong bản Tuyên ngôn Độc lập bất hủ, ngày 2 – 9 – 1945 rằng: “... tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” (12)

Chặng đường lịch sử hơn 70 năm qua kể từ ngày ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn trung thành với những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và những quan điểm tư tưởng của Hồ Chí Minh về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc đề ra chính sách dân tộc đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. Chính sách đó vừa phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam, vừa phù hợp với xu thế phát triển tiến bộ của nhân loại, nên nó đã được cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam đón nhận với niềm phấn khởi và đầy tin tưởng, cũng bởi lẽ đó mà cách mạng Việt Nam có được sức mạnh to lớn để hoàn thành thắng lợi sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, biên niên tiểu sử, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tập 1, tr 94.
- (2) Hồ Chí Minh, biên niên tiểu sử, sách đã dẫn, tập 1, tr. 127.
- (3) Hồ Chí Minh, biên niên tiểu sử, sách đã dẫn, tập 2, tr. 256.
- (4) Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 12, tr 108.
- (5) Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, biên niên tiểu sử, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tập 3, tr. 123.
- (6) Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 10, tr. 591.
- (7) Hồ Chí Minh, toàn tập, sách đã dẫn, tập 4, tr. 217.
- (8) Hồ Chí Minh, toàn tập, sách đã dẫn, tập 10, tr. 639.
- (9) Hồ Chí Minh, toàn tập, sách đã dẫn, tập 3, tr. 198.
- (10) Hồ Chí Minh, toàn tập, sách đã dẫn, tập 4, tr. 418.
- (11) Hồ Chí Minh, toàn tập, sách đã dẫn, tập 4, tr. 5 – 6.
- (12) Hồ Chí Minh, toàn tập, sách đã dẫn, tập 3, tr. 557.